

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/DS-ST
Ngày: 25-02-2025
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tý.
- Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1169/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-DS ngày 10/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS ngày 10/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Tấn T; sinh năm: 1966. Địa chỉ: đường B, phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Dư Ngọc Tấn D; sinh năm: 1996. Địa chỉ liên lạc: đường N, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lương Văn H; sinh năm: 1976. Hộ khẩu thường trú: đường H, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: đường K, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Bích N; sinh năm: 1967. Địa chỉ: đường B, phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: ông D có mặt; ông H: vắng mặt; bà N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/7/2024, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Tấn T do ông Dư Ngọc Tấn D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 31/03/2023, ông Ngô Tấn T và ông Lương Văn H có thỏa thuận về việc ông H giúp ông T thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất tại xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh. Ông H có nhận của ông T 850.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H không thể hoàn thành công việc như đã thỏa thuận nên ông T có yêu cầu ông H hoàn trả số tiền 850.000.000 đồng mà ông T đã đưa trước đó. Ông H đồng ý trả lại cho ông T nhưng liên tục hứa hẹn thời gian trả số tiền trên. Cụ thể:

Tại bản cam kết ngày 18/09/2023, ông H hứa sẽ hoàn trả lại cho ông T số tiền 850.000.000 đồng vào ngày 30/09/2023. Tại bản cam kết ngày 13/10/2023, ông H hứa sẽ hoàn trả lại cho ông T số tiền 850.000.000 đồng vào ngày 21/11/2023. Gần nhất là tại bản cam kết ngày 09/12/2023, ông H xin được trả lại cho ông T số tiền 850.000.000 đồng vào ngày 09/01/2024. Tuy nhiên, đến nay ông H vẫn không thực hiện cam kết trả tiền, mặc cho ông T nhiều lần hỏi thúc.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lương Văn H phải trả cho ông T tổng số tiền là 850.000.000 đồng. Trả một lần ngay khi có quyết định của Tòa án và không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Ông T xác định số tiền ông T đưa cho ông H là tiền riêng của ông T, không phải là tài sản chung vợ chồng giữa ông T và vợ là bà Nguyễn Thị Bích N. Ông T chỉ giao dịch và đưa tiền cho cá nhân ông H nên ông T chỉ yêu cầu cá nhân ông H trả số tiền nêu trên.

Bị đơn – ông Lương Văn H trình bày:

Ngày 31/3/2023, ông có nhận của ông Ngô Tấn T số tiền 850.000.000 đồng để đại diện ông T làm thủ tục hành chính nhưng không thể thực hiện được. Vì vậy, ông đồng ý trả lại cho ông T số tiền 850.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 19/4/2025. Đây là khoản nợ riêng của ông, không liên quan đến vợ ông là bà Thái Thị Hoàng Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Bà là vợ của ông Ngô Tấn T. Số tiền 850.000.000 đồng ông T đưa cho ông Lương Văn H là tiền riêng của ông T, không liên quan đến bà. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền đã nhận do bị đơn không thực hiện đúng cam kết trả tiền nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp đòi tài sản; bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Xác định tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn trả lại tiền, bị đơn xác định đây là khoản nợ riêng, không có liên quan đến vợ bị đơn. Do đó, căn cứ Điều 5 và khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không đưa vợ bị đơn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn – ông Lương Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Bích N có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ biên bản thỏa thuận ngày 31/3/2023, lời trình bày của đại diện nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn, có cơ sở xác định: ông Ngô Tấn T đã giao cho ông Lương Văn H số tiền 850.000.000 đồng để thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông H không hoàn thành công việc như thỏa thuận.

Căn cứ giấy thỏa thuận ngày 18/9/2023, cam kết ngày 13/10/2023 và ngày 09/12/2023, thể hiện ông H đã nhiều lần cam kết sẽ hoàn trả số tiền 850.000.000 đồng cho ông T, cụ thể:

- Tại giấy thỏa thuận ngày 18/9/2023, ông H hứa trả lại cho ông T số tiền 850.000.000 đồng vào ngày 30/9/2023.

- Tại bản cam kết ngày 13/10/2023, ông H hứa trả lại cho ông T số tiền 850.000.000 đồng vào ngày 21/11/2023.

- Tại bản cam kết ngày 09/12/2023, ông H xin được trả lại cho ông T số tiền 850.000.000 đồng vào ngày 09/01/2024.

Hết thời hạn cam kết, ông H vẫn không trả lại số tiền 850.000.000 đồng cho ông T.

Quá trình giải quyết vụ án: Ông H đề nghị sẽ trả cho ông T số tiền 850.000.000 đồng vào ngày 19/4/2025, tuy nhiên ông T không đồng ý.

Xét thấy: ông H thừa nhận có nhận của ông T số tiền 850.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông T số tiền đã nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 850.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả tiền: Xét thấy ông H không thực hiện việc trả tiền theo thời hạn đã cam kết làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T. Ông H đề nghị gia hạn thời hạn trả tiền nhưng ông T không đồng ý. Vì vậy, ông T yêu cầu ông H hoàn trả toàn bộ số tiền 850.000.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu ông H trả tiền lãi.

[4] Về án phí:

- Ông Lương Văn H phải chịu số tiền án phí là 37.500.000 (ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng.

- Ông Ngô Tấn T không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 68, 91, 92, 144, 147, 157, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, 280, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tấn T.

Buộc ông Lương Văn H phải trả cho ông Ngô Tấn T số tiền 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Tấn T về việc không yêu cầu ông Lương Văn H trả tiền lãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lương Văn H phải chịu số tiền án phí là 37.500.000 (ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho ông Ngô Tấn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.750.000 (mười tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010921, ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm